

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC  
VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC**

## **MỤC LỤC**

	<u><b>Trang</b></u>
<b>1. MỤC LỤC</b>	<b>1</b>
<b>2. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>2 - 3</b>
<b>3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	<b>4</b>
<b>4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
<b>4.1 Bảng cân đối kế toán</b>	<b>5 - 8</b>
<b>4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>9</b>
<b>4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>10 - 11</b>
<b>4.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính</b>	<b>12 - 21</b>

\*\*\*\*\*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

Số 56 Lê Thị Pha , Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

---

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc (“Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

#### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần theo Quyết định số 3726/QĐ-UBND ngày 18/12/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng được thành và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4203000184 ngày 13 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã một (01) lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất (01) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24 tháng 06 năm 2011 với Mã số doanh nghiệp 5800563106, có nội dung như sau:

#### Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 56 Lê Thị Pha , Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng  
Mã số thuế : 5800563106

**Vốn điều lệ: 27.000.000.000 VND (Hai mươi bảy tỷ đồng)**

#### Hoạt động chính của Công ty:

Sản xuất và phân phối nước sạch; Tư vấn lập dự án đầu tư; Xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; Sản xuất nước tinh khiết đóng chai; Khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; Xử lý nước thải, xử lý môi trường; Đầu tư xây dựng hạ tầng.

#### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 5 đến trang 21).

#### SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### BAN QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

Ban quản lý, điều hành của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Võ Quang Tuấn	Chủ tịch	5/8/2008
Ông Võ Thành Y	Phó Chủ tịch	5/8/2008
Ông Võ Quốc Trang	Thành viên	5/8/2008
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên	5/8/2008
Bà Nguyễn Thị Diễm Loan	Thành viên	5/8/2008

#### Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Võ Thành Y	Giám đốc	5/8/2008

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

Số 56 Lê Thị Pha , Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

Ông Nguyễn Trọng Hiếu

Kế toán trưởng

5/8/2008

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

#### **Ban Kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Nguyễn Văn Dũng	Trưởng ban	5/8/2008
Vũ Văn Hoàng	Phó Trưởng ban	5/8/2008
Nguyễn Văn Đô	Thành viên	5/8/2008

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

#### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

---

**Võ Thành Y**

Giám đốc

0

Số : /2012/BCTC-FAC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

**Kính gửi :** **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 23 tháng 03 năm 2012, từ trang 5 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

### **Cờ sờ ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Hạn chế của cuộc kiểm toán**

Chúng tôi được chỉ định cuộc kiểm toán sau ngày kết thúc năm tài chính, Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011. Với tài liệu được cung cấp, các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính hiện hữu của chỉ tiêu tiền mặt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, tính đúng đắn về số lượng cũng như tình trạng của hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của hạn chế nêu trên đến các chỉ tiêu có liên quan, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC**

---

**Hoàng Lam - Tổng Giám đốc**  
*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0701/KTV*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2012

---

**Nguyễn Xuân Dũng - Kiểm toán viên**  
*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1494/KTV*

Mẫu B 01-DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	12/31/2010
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3,458,983,923</b>	<b>4,176,048,529</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>IV. 1</b>	<b>814,517,481</b>	<b>2,202,086,286</b>
1. Tiền	111		814,517,481	2,202,086,286
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>419,306,702</b>	<b>325,542,639</b>
1. Phải thu khách hàng	131	IV. 2	171,656,700	261,673,173
2. Trả trước cho người bán	132	IV. 3	247,650,002	54,962,753
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	8,906,713
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2,025,499,691</b>	<b>1,483,921,762</b>
1. Hàng tồn kho	141	IV. 4	2,025,499,691	1,483,921,762
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>199,660,049</b>	<b>164,497,842</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV. 5	75,838,534	33,759,514
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	27,192,016
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV. 6	123,821,515	103,546,312

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	12/31/2010
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>27,908,587,334</b>	<b>25,968,876,228</b>

<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26,531,327,233</b>	<b>24,916,107,951</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 7	25,670,057,791	23,968,762,230
<i>Nguyên giá</i>	222		37,634,031,957	34,007,540,294
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11,963,974,166)	(10,038,778,064)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV. 8	720,222,000	543,659,000
<i>Nguyên giá</i>	228		754,671,000	559,671,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(34,449,000)	(16,012,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV. 9	141,047,442	403,686,721
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>300,000,000</b>	<b>300,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	IV. 10	300,000,000	300,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,077,260,101</b>	<b>752,768,277</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 11	1,077,260,101	752,768,277
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>31,367,571,257</b>	<b>30,144,924,757</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC**

Số 56 Lê Thị Pha, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm  
Đông

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011  
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Mẫu B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	12/31/2010
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,791,248,781</b>	<b>1,901,103,881</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,763,861,430</b>	<b>1,901,103,881</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	853,000
3. Người mua trả tiền trước	313		-	92,723,600
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 12	317,836,405	353,328,826
5. Phải trả người lao động	315		2,333,885,323	1,341,562,995

6. Chi phí phải trả	316	-	-	
7. Phải trả nội bộ	317	-	-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV. 13	74,794,806	125,803,340
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	37,344,896	(13,167,880)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27,387,351</b>	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	-	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	27,387,351	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>28,576,322,476</b>	<b>28,243,820,876</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>IV. 14</b>	<b>28,576,322,476</b>	<b>28,243,820,876</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	-	27,000,000,000	27,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	204,133,632	96,848,855
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	-	181,409,038	74,124,262
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	-	1,190,779,806	1,072,847,759
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>31,367,571,257</b>	<b>30,144,924,757</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC**

Số 56 Lê Thị Pha, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		31/12/2011	12/31/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-



3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 03 năm 2012

---

**Nguyễn Trọng Hiếu**  
Kế toán trưởng

---

**Võ Thành Y**  
Giám đốc

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	12,410,290,425	10,029,565,715
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	397,500	171,350
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	12,409,892,925	10,029,394,365
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	8,583,630,238	8,202,943,814
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3,826,262,687	1,826,450,551
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V. 3	84,060,240	123,547,883
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	V. 4	1,412,487,638	75,272,180
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 5	975,535,029	761,391,602
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,522,300,260	1,113,334,652
11. Thu nhập khác	31	V. 6	6,318,092	240,729,546
12. Chi phí khác	32	V. 7	84,477,496	3,895,359
13. Lợi nhuận khác	40		(78,159,404)	236,834,187
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,444,140,856	1,350,168,839
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V. 8	257,124,207	277,321,079
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(3,369,727)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	V. 9	1,190,386,376	1,072,847,760
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		441	397

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Trọng Hiếu  
Kế toán trưởng

Võ Thành Y  
Giám đốc

Mẫu B 03-DN

## **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1,444,140,856</b>	1,350,168,839
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1,943,633,102	1,777,399,000
- Các khoản dự phòng	03		27,387,351	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(84,060,240)	(123,547,883)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>3,331,101,069</b>	<b>3,004,019,956</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(86,847,250)	1,221,524,409
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(541,577,929)	(503,582,755)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		898,249,970	788,743,931
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(366,570,844)	(202,134,853)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		227,321,079	(108,203,595)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1,374,452,756)	(627,647,223)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2,087,223,339</b>	<b>3,572,719,870</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3,558,852,384)	(2,157,631,408)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		84,060,240	123,547,883

*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư* 30

(3,474,792,144)

(2,034,083,525)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC**  
Số 56 Lê Thị Pha , Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm  
Đồng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b><i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i></b>	<b>40</b>		<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(1,387,568,805)</b>	<b>1,538,636,345</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>IV. 1</b>	<b>2,202,086,286</b>	<b>663,449,941</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>IV. 1</b>	<u><b>814,517,481</b></u>	<u><b>2,202,086,286</b></u>

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 03 năm 2012

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Trọng Hiếu**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Võ Thành Y**  
Giám đốc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

### **I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

#### **1. Giấy phép hoạt động**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần theo Quyết định số 3726/QĐ-UBND ngày 18/12/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng được thành và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4203000184 ngày 13 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã một (01) lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất (01) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24 tháng 06 năm 2011 với Mã số doanh nghiệp 5800563106, có nội dung như sau:

#### **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:**

Sản xuất và phân phối nước sạch; Tư vấn lập dự án đầu tư; Xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; Sản xuất nước tinh khiết đóng chai; Khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; Xử lý nước thải, xử lý môi trường; Đầu tư xây dựng hạ tầng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 56 Lê Thị Pha, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

#### **2. Hội đồng Quản trị**

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Quang Tuấn	Chủ tịch
Ông Võ Thành Y	Phó Chủ tịch
Ông Võ Quốc Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Diễm Loan	Thành viên

### **II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **1. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

**3. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

**2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**5. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**5. Khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50 Năm
- Máy móc, thiết bị	02-10 Năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-30 Năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08 Năm
- Quyền sử dụng đất	33 Năm

## 6. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

## 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

## 8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## 9. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

## **11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2011</b>	<b>12/31/2010</b>
Tiền mặt tại quỹ	96,623,927	45,473,150
Tiền gửi ngân hàng	717,893,554	2,156,613,136



<b>Cộng</b>		<b>814,517,481</b>	<b>2,202,086,286</b>		
<b>2. Phải thu của khách hàng</b>		<b>12/31/2011</b>	<b>1/1/2011</b>		
Công ty TNHH Quốc Minh		14,554,000	14,554,000		
Ban QLDA ĐT&XD Đạ Tèh		13,700,000	13,700,000		
Công ty CP Khoáng sản Lâm Đồng		-	24,071,000		
Công ty CP Địa ốc Đà Lạt		34,619,600	173,098,000		
Trung tâm phát triển quỹ đất Bảo Lộc		10,436,000	10,436,000		
Ban QLDA Bảo Lộc		-	9,592,073		
Hóa đơn tiền nước		19,994,200	16,222,100		
Trung tâm tư vấn & phát triển quỹ đất Bảo Lộc		51,824,000	-		
Công ty TNHH Sài Gòn Coop		22,116,200	-		
Công ty CP BĐS điện lực SG Vina		4,412,700	-		
<b>Cộng</b>		<b>171,656,700</b>	<b>261,673,173</b>		
<b>3. Trả trước cho người bán</b>		<b>12/31/2011</b>	<b>1/1/2011</b>		
Công ty Tư vấn Nam Lâm Đồng		-	6,472,753		
DNTN Tâm Huyền		-	18,480,000		
Công ty TNHH D&B		-	30,010,000		
Công ty TNHH Công nghệ & Môi trường		188,650,002	-		
Công ty TNHH Khánh Phát		59,000,000	-		
<b>Cộng</b>		<b>247,650,002</b>	<b>54,962,753</b>		
<b>4. Hàng tồn kho</b>		<b>12/31/2011</b>	<b>1/1/2011</b>		
Nguyên vật liệu		1,537,183,512	1,351,927,887		
Công cụ, dụng cụ		47,661,678	15,855,107		
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		440,654,501	116,138,768		
<b>Cộng</b>		<b>2,025,499,691</b>	<b>1,483,921,762</b>		
<b>5. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		<b>12/31/2010</b>	<b>Phát sinh tăng</b>	<b>Phát sinh giảm</b>	<b>12/31/2011</b>
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	22,894,514	54,565,000	71,488,174	5,971,340	
Chi phí sửa chữa	10,865,000	78,149,140	19,146,946	69,867,194	
<b>Cộng</b>	<b>33,759,514</b>	<b>132,714,140</b>	<b>90,635,120</b>	<b>75,838,534</b>	
<b>6. Tài sản ngắn hạn khác</b>					
Khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên					
<b>7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b>					

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại 01/01/2011	7,909,573,481	6,854,766,867	18,755,126,360	488,073,586	34,007,540,294
Tăng tài sản	972,286,962	467,577,001	2,186,627,700	-	3,626,491,663
Thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>8,881,860,443</b>	<b>7,322,343,868</b>	<b>20,941,754,060</b>	<b>488,073,586</b>	<b>37,634,031,957</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Tại 01/01/2011	2,040,016,296	2,280,567,604	5,464,364,351	253,829,813	10,038,778,064
Trích khấu hao	397,026,000	710,248,000	751,741,000	66,181,102	1,925,196,102
Thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>2,437,042,296</b>	<b>2,990,815,604</b>	<b>6,216,105,351</b>	<b>320,010,915</b>	<b>11,963,974,166</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại 01/01/2011	5,869,557,185	4,574,199,263	13,290,762,009	234,243,773	23,968,762,230
<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>6,444,818,147</b>	<b>4,331,528,264</b>	<b>14,725,648,709</b>	<b>168,062,671</b>	<b>25,670,057,791</b>

#### 8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại ngày 31/12/2010	559,671,000	16,012,000	543,659,000
Phát sinh tăng	195,000,000	18,437,000	
Phát sinh giảm	-	-	
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>754,671,000</b>	<b>34,449,000</b>	<b>720,222,000</b>

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	12/31/2011	1/1/2011
Nhà trạm G06	-	23,344,928
Tuyến ống nước sinh hoạt D100 - D50	-	297,969,273
Trạm bơm 10	-	17,645,000
Tuyến D150 cấp nước KCD Lộc Sơn	-	64,727,520
Đầu nối giếng Lộc Sơn - Trần Phú	15,900,000	-
Tuyến ống D150 - Lộc Châu	113,691,492	-
Tuyến D100-50 Yên Thế	11,455,950	-
<b>Cộng</b>	<b>141,047,442</b>	<b>403,686,721</b>

#### 10. Đầu tư dài hạn khác

	12/31/2011	1/1/2011
Cổ phiếu Công ty CP xây dựng & cấp thoát nước Di Linh	300,000,000	300,000,000
<b>Cộng</b>	<b>300,000,000</b>	<b>300,000,000</b>

#### 11. Chi phí trả trước dài hạn

	12/31/2010	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	12/31/2011
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	752,768,277	560,773,799	236,281,975	1,077,260,101

<b>Cộng</b>	<b>752,768,277</b>	<b>560,773,799</b>	<b>236,281,975</b>	<b>1,077,260,101</b>
-------------	--------------------	--------------------	--------------------	----------------------

**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>12/31/2011</b>	<b>1/1/2011</b>
Thuế giá trị gia tăng	12,553,578	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	289,392,547	312,959,146
Các khoản phí, lệ phí	15,890,280	40,369,680
<b>Cộng</b>	<b>317,836,405</b>	<b>353,328,826</b>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	<b>12/31/2010</b>	<b>Phát sinh tăng</b>	<b>Phát sinh giảm</b>	<b>12/31/2011</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	658,141,993	645,588,415	12,553,578
Thuế thu nhập doanh nghiệp	312,959,146	253,754,480	277,321,079	289,392,547
Thuế thu nhập cá nhân	-	29,359,303	29,359,303	-
Thuế tài nguyên	-	429,314,270	429,314,270	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	96,339,852	96,339,852	-
Các loại thuế khác	-	3,000,000	3,000,000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản khác	40,369,680	650,157,308	674,636,708	15,890,280
<b>Cộng</b>	<b>353,328,826</b>	<b>2,155,559,627</b>	<b>2,155,559,627</b>	<b>317,836,405</b>

**13. Các khoản phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>12/31/2010</b>
Thuế Thu nhập cá nhân	2,231,615	1,174,197
Kinh phí công đoàn	34,054,014	49,054,014
Cổ tức phải trả	38,509,177	75,575,129
<b>Cộng</b>	<b>74,794,806</b>	<b>125,803,340</b>

**14. Vốn chủ sở hữu**

*Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Tại 01/01/2010</b>	<b>27,000,000,000</b>	<b>41,856,089</b>	<b>19,131,496</b>	<b>549,927,664</b>	<b>27,610,915,249</b>
Lợi nhuận sau thuế năm 2010	-	-	-	1,072,847,760	1,072,847,760
Trích lập các quỹ	-	54,992,766	54,992,766	(164,978,298)	(54,992,766)
Chia cổ tức	-	-	-	(384,949,367)	(384,949,367)
<b>Tại 31/12/2010</b>	<b>27,000,000,000</b>	<b>96,848,855</b>	<b>74,124,262</b>	<b>1,072,847,759</b>	<b>28,243,820,876</b>
<b>Tại 01/01/2011</b>	<b>27,000,000,000</b>	<b>96,848,855</b>	<b>74,124,262</b>	<b>1,072,847,759</b>	<b>28,243,820,876</b>
Lợi nhuận sau thuế năm 2011	-	-	-	1,190,386,376	1,190,386,376

Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	107,284,777	107,284,777	-	214,569,554
Chi khác	-	-	-	(1,072,454,330)	(1,072,454,330)
<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>27,000,000,000</b>	<b>204,133,632</b>	<b>329,657,563</b>	<b>1,190,779,805</b>	<b>28,576,322,476</b>

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

<b>Cổ đông</b>	<b>12/31/2011</b>	<b>1/1/2011</b>
Vốn nhà nước (Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng)	20,503,000,000	20,503,000,000
Vốn góp của các cổ đông	6,497,000,000	6,497,000,000
<b>Cộng</b>	<b>27,000,000,000</b>	<b>27,000,000,000</b>

**Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi**

	<b>12/31/2011</b>	<b>1/1/2011</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2,700,000	2,700,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2,700,000	2,700,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2,700,000	2,700,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,700,000	2,700,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2,700,000	2,700,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2009</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>12,410,290,425</b>	<b>10,029,565,715</b>
<b>Các khoản giảm trừ:</b>	<b>397,500</b>	<b>171,350</b>
- Hàng bán bị trả lại	397,500	171,350
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>12,409,892,925</b>	<b>10,029,394,365</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	12,409,892,925	10,029,394,365

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm	8,583,630,238	8,202,943,814
<b>Cộng</b>	<b>8,583,630,238</b>	<b>8,202,943,814</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	84,060,240	123,547,883

<b>Cộng</b>	<b>84,060,240</b>	<b>123,547,883</b>
<b>4. Chi phí bán hàng</b>		
	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Chi phí cho nhân viên	96,763,012	36,708,725
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	245,814,995	3,600,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	870,324,000	5,262,000
Chi phí khác bằng tiền	199,585,631	29,701,455
<b>Cộng</b>	<b>1,412,487,638</b>	<b>75,272,180</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Chi phí cho nhân viên	144,000,000	-
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	176,276,368	113,578,982
Thuế, phí và lệ phí	419,000	220,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	476,761,063	323,540,149
Chi phí khác bằng tiền	178,078,598	324,052,471
<b>Cộng</b>	<b>975,535,029</b>	<b>761,391,602</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Thu tiền niêm chi	6,318,092	1,779,546
Cấp trên cấp bù	-	238,950,000
<b>Cộng</b>	<b>6,318,092</b>	<b>240,729,546</b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Phí chuyển tiền	5,589,238	3,895,359
Các khoản phạt	21,454,308	-
Các khoản chi phí khác	57,433,950	-
<b>Cộng</b>	<b>84,477,496</b>	<b>3,895,359</b>
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1,444,140,856</b>	<b>1,350,168,839</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>21,454,308</b>	-
Các khoản chi phí không được trừ	21,454,308	-
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>5,508,686</b>	-
Thu nhập không chịu thuế / chưa chịu thuế	5,508,686	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1,471,103,850</b>	<b>1,350,168,839</b>

Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (25%)	367,775,963	337,542,210
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm trong kỳ tính thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	(110,651,756)	(60,221,131)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>257,124,207</b>	<b>277,321,079</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>1,190,386,376</b>	<b>1,072,847,760</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<b>1,190,386,376</b>	<b>1,072,847,760</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2,700,000	2,700,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>441</b>	<b>397</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	<b>2,700,000</b>	<b>2,700,000</b>
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>2,700,000</b>	<b>2,700,000</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 03 năm 2012

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Trọng Hiếu**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Võ Thành Y**  
Tổng Giám đốc